TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST
Ngày 31-5-2019
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hán Hưởng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cù Minh Tuấn.

2. Ông Đinh Quốc Phong .

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Hoàng Liên Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019, về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990 (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Hà Văn T, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu 05, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 01 năm 2019; tại bản tự khai; quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hậu trình bày:

Chị và anh Hà Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 05/01/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng

chung sống với bố mẹ đẻ anh T tại xã Đ. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc thì mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và anh T không chịu làm ăn, hay chơi bời dẫn đến vay của nhiều người, không có khả năng trả nợ; từ 2018 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên sống ly thân, chị về nhà bố mẹ đẻ sống tại xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; vợ chồng không còn quan tâm đến nhau để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Nay vợ chồng chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Hà Thị Ngọc T, sinh ngày 02/11/2011 và Hà Ngọc Q, sinh ngày 18/11/2015. Hiện nay hai con chung đang ở với chị; chị đề nghị được trực tiếp nuôi con khi vợ chồng ly hôn và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng.

Tài sản chung, quyền, nghĩa vụ tài sản và công sức: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ và lấy lời khai của bố đẻ anh Hà Văn T ở cùng địa chỉ anh T thể hiện: Hiện nay anh T vẫn cư trú tại địa phương, nhưng do anh T chơi bời, không chịu làm ăn nên nợ nhiều phải trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Tòa án đã tống đạt giấy báo anh T đến đề giải quyết việc chị H xin ly hôn hợp lệ cho bố đẻ anh T, nhưng anh T không đến Tòa án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng của vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghỉ nghị án đều thực hiện đúng quy định của Pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của anh chị tại Ủy ban nhân dân xã Đ thấy rằng: Mặc dù chị H và anh T kết hôn thời gian ngắn nhưng đã xảy ra mâu thuẫn, phải sống ly thân; anh T không quan tâm đến vợ, con để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều

56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Hà Văn T.

Về con chung: Giao hai con chung là Hà Thị Ngọc T, sinh ngày 02/11/2011 và Hà Ngọc Q, sinh ngày 18/11/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị H không yêu cầu.

Về tài sản chung; quyền, nghĩa vụ tài sản và công sức: Chị H không đề nghị xem xét nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

Án phí: Chị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét, tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ cũng như lấy lời khai của ông Hà Văn T là bố đẻ của anh T thể hiện: Anh T vẫn ở địa phương. Tòa án đã tống đạt hợp giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho ông Hà Văn T để giao đến anh T, ông T đã nhận và cam kết giao cho anh T, nhưng anh T vẫn cố tình không đến Tòa án để giải quyết việc chị H xin ly hôn. Như vậy, có đủ cơ sở pháp lý xác định anh T đã cố tình vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T là thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. *Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc xin ly hôn anh Hà Văn T thấy rằng:* Chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 05/01/2011, không thuộc trường hợp cấm kết hôn. Vì vậy là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của anh chị tại địa phương xã Đ cũng như lời khai của ông T là bố đẻ của anh T thấy rằng: Chị H và anh T kết hôn tự nguyện; sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng chỉ hạnh phúc thời gian ngắn sau đó đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong

cuộc sống; anh T không chịu làm ăn, thường chơi bời dẫn đến nợ nhiều, phải trốn tránh nghĩa vụ trả nợ nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn quan tâm, giúp đỡ nhau trong cuộc sống để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình.

Như vậy, có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

[3]. *Về con chung:* Chị H và anh T có hai con chung là Hà Thị Ngọc T, sinh ngày 02/11/2011 và Hà Ngọc Q, sinh ngày 18/11/2015. Hiện nay hai con chung đang cùng chị H, trong khi anh T cố tình vắng mặt, giấu địa chỉ. Vì vậy, cần giao hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi của con chung.

Chị H không đề nghị giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy quan điểm của chị H là tự nguyện nên Tòa án không xem xét.

[4]. *Về tài sản chung; quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức*: Chị H không đề nghị xem xét nên Tòa án không giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Hà Văn T.

2. *Về con chung:*

Giao hai con chung là Hà Thị Ngọc T, sinh ngày 02/11/2011 và Hà Ngọc Qn, sinh ngày 18/11/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị H không yêu cầu nhưng anh T có quyền thăm nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Chị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 008485, ngày 18/01/2019, của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- UBND xã T;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hán Hưởng